

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 04/2018/DS-ST

Ngày 15-5-2018

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ngọc Đức;

Bà Nguyễn Thị Ái Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sơn, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình thìn – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 151/2017/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2018/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S; địa chỉ: số 266 – 268 N, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Nam G, sinh năm 1984; địa chỉ: số 75, đường số 8, khu dân cư H1, phường T, thành phố M, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 14-8-2017), có mặt.

Bị đơn: Ông Trần Phương T, sinh năm 1979; địa chỉ: ấp H, xã N, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26-10-2017, bản tự khai và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại cổ phần S ông Lê Nam G trình bày:

Ngày 02-12-2016, ông Trần Phương T có ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (gọi tắt là Ngân hàng), hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao

gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông Trần Phương T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng là 20.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Trần Phương T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 20.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến ngày 11 tháng 8 năm 2017 ông Trần Phương T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền lãi 1.020.000 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Trần Phương T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Trần Phương T vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng sử dụng thẻ nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 11-8-2017, ông Trần Phương T còn nợ các khoản sau: nợ gốc: 20.000.000 đồng; tiền lãi quá hạn từ 11 tháng 8 năm 2017 đến xét xử 6.089.519 đồng. Tổng cộng ông Toàn còn nợ Ngân hàng số tiền 26.089.519 đồng.

- Bị đơn ông Trần Phương T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để lấy lời khai, họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng ông Toàn đều vắng mặt không lý do. Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Toàn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án: quá trình giải quyết vụ án, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật; về nội dung vụ án: yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ nên yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Trần Phương T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Toàn.

[2] Về nội dung: nguyên đơn Ngân hàng TMCP S cung cấp cho Tòa án giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng lập ngày 02 tháng 12 năm 2016 giữa nguyên đơn với ông Trần Phương T, thể hiện ông Toàn vay số tiền 20.000.000đ. Ông Trần Phương T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để tham gia tố tụng và xét xử nhưng vắng mặt không có lý do. Thể hiện ông Trần

Phương T đã từ bỏ quyền cung cấp tài liệu chứng cứ, chứng minh và trình bày để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình cũng như ông Toàn không phản đối những tình tiết, sự kiện mà Ngân hàng TMCP S đưa ra.

Việc phát hành thẻ tín dụng của nguyên đơn phù hợp điểm d khoản 3 Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Toàn thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 20.700.000đ. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Toàn thanh toán cho Ngân hàng 1.020.000đ tiền lãi là vi phạm thỏa thuận hợp đồng tín dụng và vi phạm Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện ông Trần Phương T yêu cầu ông Toàn trả khoản nợ gồm gốc: 20.000.000 đồng, tiền lãi quá hạn là 6.089.519 đồng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 648 của Bộ luật dân sự 2015, tổng cộng 26.089.519 đồng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông Trần Phương T trả số tiền 26.089.519 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn Trần Phương T phải thanh toán cho nguyên đơn khoản nợ gồm gốc: 20.000.000 đồng, tiền lãi quá hạn là 6.089.519 đồng, tổng cộng 26.089.519 đồng

[5] Về án phí: Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 4, Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 và Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 ;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với ông Trần Phương T về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc ông Trần Phương T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền 26.089.519 đồng (hai mươi sáu triệu không trăm tám mươi chín nghìn năm trăm mười chín đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí:

Ông Trần Phương T phải chịu 1.304.475 đồng (một triệu ba trăm lẻ bốn nghìn bốn trăm bảy mươi lăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP S không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 652.238 đồng (sáu trăm năm mươi hai nghìn hai trăm ba mươi tám đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0002689 ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tùng

